

**Phụ lục II**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2024  
của UBND tỉnh Nam Định)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải**

Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi (đốt mùn gỗ) công suất 01 tấn hơi/h.

**2. Dòng bụi, khí thải, vị trí xả thải**

**2.1. Dòng khí thải**

- 01 dòng khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
- Lưu lượng khí thải tối đa: 12.000 m<sup>3</sup>/h.

**2.2. Phương thức xả khí thải**

Xả cưỡng bức bằng quạt hút, gián đoạn không theo chu kỳ.

2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B) với giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi phát thải ra môi trường không khí  $C_{max} = C \times K_q \times K_f$  (áp dụng hệ số  $K_p = 1$ ;  $K_v = 1,2$ ), cụ thể như sau:

Bảng 3. Giá trị giới hạn thông số khí thải sau xử lý

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị cho phép QCVN 19:2009/BTNMT(cột B)	
			C	C <sub>max</sub>
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	240
2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000	1.200
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500	600
4	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000	1.200

Khi có sự thay đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất

**2.4. Vị trí xả khí thải**

- Toạ độ xả khí thải: X(m) = 2.248.331,38; Y(m) = 591.739,65 (Theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30', múi chiều 3<sup>o</sup>).

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi được thu gom bằng đường ống về hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Chủ dự án đầu tư hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 01 tấn/giờ với quy trình xử lý như sau: Bụi, khí thải lò hơi → Quạt hút → Thiết bị Cyclon → Hấp thụ bằng nước vôi trong → Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) thoát ra ngoài môi trường qua ống khói cao 12 m so với mặt đất.

(Chi tiết thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án)

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: 20 kg vôi bột/tháng.

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ có chuyên môn phụ trách về môi trường của Công ty.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý khí thải. Khi hệ thống xử lý gặp sự cố, khí thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường, chủ dự án sẽ dừng hoạt động của lò hơi để sửa chữa, khắc phục. Sau khi sự cố được khắc phục, khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường mới cho hệ thống hoạt động trở lại.

- Kiểm định lò hơi định kỳ theo quy định của pháp luật.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Từ ngày 15/6/2024 đến ngày 15/9/2024.

### 2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống thu gom xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 01 tấn hơi/h.

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Như tại mục 2.1 phần A Phụ lục này.

#### 2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.3 phần A Phụ lục này.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

Lấy mẫu 03 ngày liên tiếp với tần suất lấy mẫu 01 ngày/lần tại lỗ kỹ thuật trên thân ống phóng không của hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò hơi (theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài

nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3 phần A Phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trồng cây xanh với diện tích 27.345 m<sup>2</sup> đảm bảo tỷ lệ 20% theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

#### **3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với giấy phép đã được cấp, phải báo cáo về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý bụi, khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý bụi, khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hải Hậu để kịp thời xử lý./.